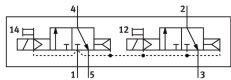
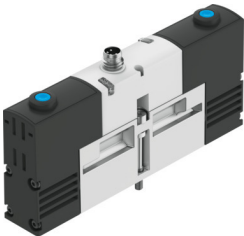


# Van điện từ

## VSVA-B-T32C-AH-A2-1R2L

Số bộ phận: 534771

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                    |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 2x3 / 2 chiều, monostable, đóng                                                            |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                                       |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 18 mm                                                                                      |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 400 l/ph                                                                                   |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Kích thước tấm kết nối 18 mm theo ISO 15407-1<br>Kích thước tấm kết nối 02 theo VDMA 24563 |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                                                     |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                                                         |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                                                       |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                                                                              |
| Giấy phép                                                  | C-Tick<br>c UL us - Recognized (OL)                                                        |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                        | theo chỉ thị EMC của EU                                                                    |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                      | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                      |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                                                       |
| Chiều rộng định mức                                        | 5 mm                                                                                       |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                                                           |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                                        |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                                     |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                       | ISO 15407-1<br>VDMA 24563                                                                  |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                                                       |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                                           |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                                                      |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                                        |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                                                            |
| Chống phân cực                                             | cho tất cả các kết nối điện                                                                |
| Chức năng bổ sung                                          | Giảm dòng điện hãm<br>Ngắt bảo vệ                                                          |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                               | Đèn LED                                                                                    |
| Van lưu lượng                                              | 600 l/ph                                                                                   |

| Đặc tính                                         | Giá trị                                                                              |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Lưu lượng van trên tấm kết nối đơn               | 450 l/ph                                                                             |
| Van lưu lượng liên kết khí nén                   | 400 l/ph                                                                             |
| Thời gian chuyển mạch tắt                        | 22 ms                                                                                |
| Thời gian chuyển mạch bật                        | 10 ms                                                                                |
| Dải điện áp hoạt động DC                         | 21.6 V...26.4 V                                                                      |
| Thời gian bật                                    | 100%                                                                                 |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0 | 500 $\mu$ s                                                                          |
| Xung thử nghiệm âm tính tối đa với 1 tín hiệu    | 500 $\mu$ s                                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                       | 24 V DC: Pha dòng điện thấp 1,0 W, pha dòng điện cao 2,4 W                           |
| Môi chất vận hành                                | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển            | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                              | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                                        | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                             | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                                    | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Nhiệt độ trung bình                              | -5 °C...50 °C                                                                        |
| Độ ẩm tương đối                                  | 0 - 90 %                                                                             |
| Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp     | PELV                                                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                   | -5 °C...50 °C                                                                        |
| Mô-men xoắn siết tối đa cho bộ phận gắn van      | 0.9 N m...1.1 N m                                                                    |
| trọng lượng sản phẩm                             | 140 g                                                                                |
| Cổng nối điện                                    | 4 chân<br>M8x1<br>Phích cắm trung tâm<br>thiết kế tròn                               |
| Kiểu gắn                                         | trên tấm kết nối                                                                     |
| Ghi chú vật liệu                                 | Tuân thủ RoHS                                                                        |